

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI ĐÀ NẴNG: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN VĂN^{1*} - HỒ THỊ THANH LY¹ - NGUYỄN THỊ MỸ LANG¹

¹Trường Đại học Quảng Nam

Quang Nam University

* Email: nguyenvan1422003@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/7/2026

Ngày sửa bài: 12/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 23/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, phân tích tài liệu thứ cấp và phân tích nội dung để đánh giá thực trạng sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch cộng đồng (DLCD). Kết quả cho thấy, cộng đồng đã tham gia khá rõ vào khai thác tài nguyên, cung cấp dịch vụ, xây dựng sản phẩm, bảo tồn văn hóa và môi trường. Sự hình thành các hợp tác xã (HTX) và tổ chức cộng đồng tạo thêm điều kiện để người dân tham gia có tổ chức. Tuy nhiên, sự tham gia trong quản lý, hoạch định, ra quyết định và phân phối lợi ích vẫn cần được củng cố. Các hạn chế về năng lực, vốn, hạ tầng, thị trường và liên kết với doanh nghiệp tiếp tục ảnh hưởng đến tính chủ động của cộng đồng. Bài viết cho thấy, phát triển DLCD trong thời gian tới cần chuyển từ mở rộng số lượng mô hình sang nâng cao năng lực tự quản, quyền tham gia và khả năng hưởng lợi của cộng đồng.

Từ khóa: sự tham gia của cộng đồng, du lịch cộng đồng, cộng đồng địa phương, miền núi, Đà Nẵng

Community participation in the development of community-based tourism in the mountainous areas of Da Nang: Current situation and key issues

Abstract:

Local community participation is essential to sustainable community-based tourism (CBT). In the mountainous areas of Da Nang, CBT is shifting from household-scale activities toward more organized and interconnected models involving indigenous culture, ecology, agriculture, and experiential tourism. Using a case study approach, secondary data analysis, and content analysis, this study examines community participation in CBT development. The findings show that local communities participate in resource utilization, service provision, tourism product development, and cultural and environmental conservation. Cooperatives and community organizations have also created opportunities for more organized participation. However, community involvement in management, planning, decision-making, and benefit distribution requires further strengthening. Constraints related to capacity, capital, infrastructure, markets, and business linkages continue to limit community initiative. The study argues that future CBT development should prioritize community self-governance, participation rights, and access to tourism benefits rather than merely expanding the number of tourism models.

Keywords: community participation, community-based tourism, local community, mountainous areas, Da Nang

1. Đặt vấn đề

Cộng đồng địa phương giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển DLCĐ bởi tài nguyên du lịch, văn hóa, sinh kế và không gian sống của cộng đồng, đồng thời là nền tảng hình thành sản phẩm. Theo Luật Du lịch năm 2017, DLCĐ được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.

Các nghiên cứu cho thấy, sự tham gia của cộng đồng không chỉ được hiểu là tham gia cung cấp dịch vụ mà còn bao gồm tham gia hoạch định, tổ chức, quản lý, ra quyết định, giám sát và hưởng lợi. Tosun (1999, 2000) chỉ ra, cộng đồng có thể tham gia ở những cấp độ khác nhau và những hạn chế về thể chế, năng lực, nguồn lực có thể làm giảm khả năng tham gia thực chất. Goodwin và Santilli (2009) nhấn mạnh mối quan hệ giữa quyền sở hữu, quản lý, năng lực cộng đồng và lợi ích trong phát triển DLCĐ.

Tại khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng, DLCĐ có điều kiện phát triển nhờ tài nguyên tự nhiên, cảnh quan, sản xuất nông - lâm nghiệp và đặc biệt là các giá trị văn hóa Cơ Tu. Nhiều mô hình đã được hình thành tại Hòa Vang và các địa bàn miền núi thuộc Quảng Nam trước đây. Sản phẩm ngày càng đa dạng, từ lưu trú, ăn uống đến trải nghiệm văn hóa, sinh thái, nông nghiệp và giáo dục. Đồng thời, phương thức tổ chức cũng có xu hướng chuyển từ hộ gia đình sang tổ nhóm, HTX và các mô hình liên kết.

Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng mô hình và sản phẩm chưa đồng nghĩa với việc cộng đồng đã trở thành chủ thể trong tất cả các khâu của quá trình phát triển. Vì vậy, vấn đề đặt ra là: cộng đồng đang tham gia ở những khâu nào và sự tham gia đó đã chuyển từ cung cấp dịch vụ sang quản lý, ra quyết định và hưởng lợi như thế nào?

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích thực trạng sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLCĐ tại khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng, nhận diện những hạn chế và đề xuất một số hàm ý nhằm tăng cường vai trò chủ thể của cộng đồng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

DLCĐ dựa trên sự tham gia của cộng đồng vào quá trình phát triển và khai thác các nguồn lực địa phương. Theo Tosun (1999), sự tham gia có thể diễn ra ở nhiều cấp độ, từ tham gia thụ động đến tham gia vào quá trình ra quyết định. Tosun (2000) cho rằng, các yếu tố thể chế, vận hành và văn hóa có thể hạn chế sự tham gia của cộng đồng tại các nước đang phát triển.

Trong bối cảnh DLCĐ, sự tham gia cần được xem xét theo cả chiều rộng và chiều sâu. Chiều rộng thể hiện ở số lượng hoạt động mà cộng đồng tham gia; chiều sâu thể hiện ở khả năng ảnh hưởng đến quyết định, quản lý nguồn lực và hưởng lợi. Từ tổng quan các nghiên cứu, bài viết tiếp cận sự tham gia theo sáu khía cạnh: (1) khai thác tài nguyên và xác định sản phẩm; (2) cung cấp dịch vụ; (3) tổ chức và quản lý; (4) hoạch định và ra quyết định; (5) giám sát, bảo tồn; (6) hưởng lợi và phân phối lợi ích.

Theo cách tiếp cận này, tham gia hoạt động không đồng nghĩa với tham gia quản trị. Một cộng đồng có thể tham gia cung cấp dịch vụ nhưng vẫn hạn chế về quyền quyết định đối với định hướng phát triển, sử dụng tài nguyên và phân phối lợi ích.

Các nghiên cứu được tổng hợp cho thấy năng lực, lợi ích kinh tế, cơ chế chính sách, tổ chức cộng đồng, vốn, hạ tầng, thị trường và liên kết với các bên liên quan là những yếu tố có ảnh hưởng đến sự tham gia. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung vào khoảng cách giữa “tham gia thực hiện” và “tham gia quản trị” trong phát triển DLCĐ miền núi Đà Nẵng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, tập trung vào khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng. Dữ liệu hoàn toàn là dữ liệu thứ cấp, gồm văn bản pháp luật, chính sách, báo cáo của cơ quan quản lý, các công trình nghiên cứu khoa học và tài liệu về các mô hình DLCĐ tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp chủ yếu gồm phân tích tài liệu, phân tích nội dung, phân tích theo chủ đề và tổng hợp, đối chiếu giữa các trường hợp. Nội dung tài liệu được phân loại theo sáu nhóm: khai thác tài nguyên và xây dựng sản phẩm; cung cấp dịch vụ; tổ chức và quản lý; hoạch định và ra quyết định; giám sát và bảo tồn; hưởng lợi.

Các rào cản được tổng hợp theo các nhóm: năng lực và kỹ năng; vốn và nguồn lực; hạ tầng; thị trường; liên kết với doanh nghiệp; cơ chế chính sách; năng lực tổ chức cộng đồng và mức độ phụ thuộc vào hỗ trợ bên ngoài.

Nghiên cứu không sử dụng khảo sát mới và không sử dụng các kết quả định lượng từ nghiên cứu trước.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Sự phát triển của DLCĐ và không gian tham gia của cộng đồng

Khu vực miền núi Đà Nẵng có lợi thế về cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái rừng - sông - suối, không gian sản xuất nông nghiệp và các giá trị văn hóa bản địa. Văn hóa Cơ Tu là một nguồn lực quan trọng để phát triển sản phẩm DLCĐ, thể hiện qua kiến trúc, lễ hội, nghệ thuật trình diễn, ẩm thực, dệt thổ cẩm và nghề thủ công.

Tại Hòa Vang, các mô hình DLCĐ, nông nghiệp và sinh thái đã hình thành tại một số cụm như Tà Lang - Giàn Bí, Nam Yên, Túy Loan - Thái Lai và Hòa Bắc. Tại các địa bàn miền núi thuộc Quảng Nam trước đây, nhiều mô hình cũng được phát triển theo hướng kết hợp văn hóa, sinh thái, nông nghiệp và trải nghiệm.

Một xu hướng đáng chú ý là sự chuyển dịch từ mô hình hộ gia đình sang mô hình có tổ chức. Các HTX và tổ nhóm cộng đồng ngày càng được sử dụng như đầu mối tổ chức dịch vụ, kết nối các hộ, doanh nghiệp, chính quyền và thị trường. Sản phẩm cũng chuyển từ dịch vụ đơn lẻ sang các tổ hợp trải nghiệm văn hóa - sinh thái - nông nghiệp - giáo dục.

3.1.2. Các hình thức tham gia của cộng đồng

Tham gia khai thác tài nguyên và xây dựng sản phẩm

Cộng đồng trực tiếp cung cấp tri thức bản địa và các giá trị văn hóa để hình thành sản phẩm. Người dân tham gia vào lưu trú, ăn uống, hướng dẫn, trình diễn văn hóa, dệt thổ cẩm, sản xuất và giới thiệu nông sản, tổ chức trải nghiệm nông nghiệp và sinh thái.

Đối với các mô hình gắn với văn hóa Cơ Tu, cộng đồng vừa là chủ thể văn hóa vừa là người cung cấp trải nghiệm cho du khách. Điều này tạo điều kiện kết hợp phát triển sinh kế với bảo tồn các giá trị truyền thống.

Tham gia tổ chức và quản lý

Sự phát triển của HTX tạo ra một hình thức tham gia có tổ chức hơn. HTX có khả năng tập hợp các hộ gia đình, điều phối dịch vụ, xây dựng sản phẩm chung và kết nối với doanh nghiệp, chính quyền và thị trường.

Tuy nhiên, sự hình thành tổ chức không đồng nghĩa với trao quyền. Vai trò của cộng đồng còn phụ thuộc vào mức độ thành viên được tham gia vào quản lý, quyết định phương hướng hoạt động và phân phối lợi ích.

Tham gia bảo tồn văn hóa và môi trường

Bảo tồn văn hóa và môi trường là một nội dung gắn trực tiếp với DLCĐ miền núi. Cộng đồng tham gia duy trì kiến trúc, lễ hội, nghề truyền thống, ẩm thực và tri thức bản địa; đồng thời có vai trò trong bảo vệ cảnh quan, tài nguyên và môi trường.

Đối với văn hóa Cơ Tu, việc để cộng đồng tham gia lựa chọn giá trị đưa vào du lịch và cách thức trình diễn có ý nghĩa quan trọng nhằm hạn chế nguy cơ thương mại hóa và biến dạng văn hóa.

Tham gia hoạch định, ra quyết định và hưởng lợi

Đây là khía cạnh cần được quan tâm nhiều hơn. Các nghiên cứu tổng hợp cho thấy, cộng đồng thường tham gia rõ hơn ở khâu thực hiện và cung cấp dịch vụ so với hoạch định và ra quyết định. Đối với khu vực miền núi Đà Nẵng, các tài liệu hiện có chưa cho phép lượng hóa mức độ tham gia ra quyết định của cộng đồng trên toàn địa bàn. Tuy nhiên, điều này cho thấy, nhu cầu tiếp tục nâng cao năng lực tự quản, cơ chế đại diện và vai trò của cộng đồng trong quản lý.

Về hưởng lợi, DLCĐ đã tạo thêm cơ hội việc làm, thu nhập và thị trường cho sản phẩm địa phương. Tuy nhiên, quy mô lợi ích và khả năng tiếp cận lợi ích có thể khác nhau giữa các hộ. Vì vậy, số lượng hộ tham gia hoặc doanh thu du lịch chưa đủ để đánh giá tính công bằng trong phân phối lợi ích.

Bảng 1. Kết quả hoạt động một số điểm du lịch tiêu biểu giai đoạn 2021 - 2025

Điểm du lịch \ Tiêu chí	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Tổng lượt khách (lượt)	Doanh thu (tr.đ)	Tổng lượt khách (lượt)	Doanh thu (tr.đ)	Tổng lượt khách (lượt)	Doanh thu (tr.đ)	Tổng lượt khách (lượt)	Doanh thu (tr.đ)	Tổng lượt khách (lượt)	Doanh thu (tr.đ)
Làng du lịch dựa vào cộng đồng Cortu (Bến Giằng)	10	15	161	95	171	156	210	802	215	875
Làng du lịch cộng đồng Bơhồồng (Sông Kôn)	150	30	208	46,1	309	90	200	100	225	110
Làng du lịch cộng đồng Đhorồồng (Đông Giang)	50	40	35	29,55	80	40	67	48	65	44

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021- 2025

3.1.3. Những rào cản đối với sự tham gia thực chất

Thứ nhất, năng lực còn hạn chế. Người dân còn gặp khó khăn về quản lý, ngoại ngữ, marketing, nghiệp vụ du lịch và phát triển sản phẩm.

Thứ hai, nguồn lực và hạ tầng chưa đồng đều. Quy mô đầu tư nhỏ và hạ tầng tại một số điểm còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận thị trường.

Thứ ba, liên kết thị trường chưa ổn định. Quan hệ giữa cộng đồng với doanh nghiệp lữ hành và thị trường khách chưa phải lúc nào cũng bền vững.

Thứ tư, nguy cơ trùng lặp sản phẩm. Nhiều địa bàn cùng khai thác những nguồn tài nguyên tương tự có thể dẫn đến sự tương đồng về sản phẩm nếu thiếu quy hoạch và định hướng khác biệt.

Thứ năm, sự phụ thuộc vào hỗ trợ bên ngoài. Một số mô hình có nguy cơ khó duy trì nếu thiếu người lãnh đạo cộng đồng, thiếu liên kết thị trường hoặc phụ thuộc quá lớn vào các chương trình hỗ trợ.

3.2. Thảo luận

Kết quả cho thấy, cộng đồng tại khu vực miền núi Đà Nẵng đã có vai trò tương đối rõ trong cung cấp sản phẩm và dịch vụ DLCĐ. Tuy nhiên, tham gia vào hoạt động chưa đồng nghĩa với tham gia vào quản trị.

Sự phát triển của HTX là một hướng đáng chú ý bởi có thể chuyển sự tham gia của các hộ riêng lẻ thành sự tham gia có tổ chức. Tuy nhiên, HTX chỉ thực sự góp phần trao quyền cho cộng đồng khi các thành viên có tiếng nói trong quản trị và được hưởng lợi tương xứng.

Đối với các mô hình dựa vào văn hóa Cơ Tu, vai trò chủ thể của cộng đồng càng quan trọng. Văn hóa không chỉ là “tài nguyên” để khai thác mà còn là một bộ phận của bản sắc và đời sống cộng đồng. Vì vậy, cộng đồng cần có tiếng nói trong việc lựa chọn giá trị văn hóa, cách thức khai thác và giới hạn thương mại hóa.

Từ đó có thể nhận diện một khoảng cách giữa tham gia hoạt động và tham gia quản trị. Thu hẹp khoảng cách này là điều kiện quan trọng để DLCĐ chuyển từ mô hình dựa vào cộng đồng sang mô hình thực sự do cộng đồng tham gia quản lý và hưởng lợi.

3.3. Hàm ý quản trị

Thứ nhất, chuyển trọng tâm từ phát triển số lượng mô hình sang nâng cao vai trò chủ thể. Bên cạnh số lượng điểm, sản phẩm và khách du lịch, cần quan tâm đến các tiêu chí về năng lực tự quản, quyền tham gia quyết định và cơ chế hưởng lợi.

Thứ hai, củng cố HTX và tổ chức đại diện cộng đồng. Hỗ trợ HTX không chỉ về vốn và cơ sở vật chất mà cần tập trung vào quản trị, xây dựng sản phẩm, marketing, liên kết thị trường và cơ chế chia sẻ lợi ích.

Thứ ba, nâng cao năng lực cộng đồng. Các chương trình đào tạo cần chú trọng quản trị, tài chính, marketing số, ngoại ngữ, thiết kế sản phẩm, đàm phán và quản lý chất lượng, bên cạnh nghiệp vụ phục vụ khách.

Thứ tư, xây dựng cơ chế phân phối lợi ích minh bạch. Lợi ích từ du lịch cần được gắn với mức độ đóng góp của các hộ và tổ chức cộng đồng, đồng thời tạo ra lợi ích lan tỏa cho cộng đồng.

Thứ năm, tăng cường liên kết và giảm phụ thuộc vào hỗ trợ. Cần hình thành liên kết ổn định giữa cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền và cơ sở đào tạo; chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ nâng cao năng lực tự chủ.

4. Kết luận

DLCĐ tại khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng đang chuyển biến theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và tổ chức hoạt động. Cộng đồng đã tham gia rõ vào khai thác tài nguyên, cung cấp dịch vụ, xây dựng sản

phẩm, bảo tồn văn hóa và môi trường. Sự phát triển của HTX và các tổ chức cộng đồng tạo thêm điều kiện để sự tham gia được tổ chức và liên kết tốt hơn.

Tuy nhiên, sự tham gia vào hoạt động chưa đồng nghĩa với vai trò chủ thể trong quản trị. Quản lý, hoạch định, ra quyết định và phân phối lợi ích vẫn là những khía cạnh cần tiếp tục được củng cố. Hạn chế về năng lực, vốn, hạ tầng, thị trường và liên kết cũng ảnh hưởng đến khả năng tự chủ của cộng đồng.

Vì vậy, phát triển DLCĐ trong thời gian tới cần chuyển từ trọng tâm “phát triển thêm mô hình” sang “nâng cao năng lực làm chủ của cộng đồng”. Cộng đồng cần được bảo đảm không chỉ cơ hội tham gia mà còn năng lực và cơ chế để tham gia vào quản lý, ra quyết định, bảo tồn tài nguyên và hưởng lợi.

Do sử dụng hoàn toàn dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu chưa lượng hóa được mức độ tham gia của cộng đồng và chưa kiểm định quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng. Đây là giới hạn của nghiên cứu, đồng thời là hướng để các nghiên cứu tiếp theo đi sâu vào từng mô hình và nhóm cộng đồng cụ thể ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Lê Thị Kim Dung. (2025). Tiếp cận dựa trên sự tham gia và những gợi ý phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam. Tạp chí Phát triển bền vững Vùng, 15(4).

Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà, & Lê Minh Tuấn. (2019). Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh - Hội An. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, 128(6D), 53-70.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng. (2025). Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. (2020). Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 về Đề án phát triển du lịch cộng đồng huyện Hòa Vang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam. (2020). TCVN 13259:2020 - Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ.

Quốc hội. (2017). Luật số 09/2017/QH14: Luật Du lịch, ban hành ngày 19/6/2017.

Goodwin, H., & Santilli, R. (2009). Community-based tourism: A success? ICRT Occasional Paper 11. International Centre for Responsible Tourism.

Pham Hong, Ngo, & Pham. (2021). Community-based tourism: Opportunities and challenges - a case study in Thanh Ha pottery village, Hoi An city, Vietnam. Cogent Social Sciences, 7.

Tosun, C. (1999). Towards a typology of community participation in the tourism development process. Anatolia: An International Journal of Tourism and Hospitality Research, 10(2), 113-134.

Tosun, C. (2000). Limits to community participation in the tourism development process in developing countries. Tourism Management, 21(6), 613-633.